

BỘ TÀI CHÍNH  
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2891TCHQ-TXNK

Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2020

V/v thực hiện chương trình ưu đãi  
thuế NK linh kiện phụ tùng ô tô

Kính gửi:

- Cục Hải quan thành phố Hải Phòng;
- Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh VINFAST.  
(Khu Kinh tế Đình Vũ-Cát Hải, đảo Cát Hải, thị trấn Cát Hải,  
H. Cát Hải, TP. Hải Phòng)

Tổng cục Hải quan nhận được công văn số 035/2020/CV-VF ngày 09/4/2020 của Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh VINFAST và công văn số 4573/HQHP-TXNK ngày 08/4/2020 của Cục Hải quan TP. Hải Phòng về vướng mắc áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu theo Chương trình ưu đãi linh kiện phụ tùng ô tô ban hành kèm theo Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017. Về việc này, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

Điểm b khoản 2 Điều 7a Nghị định số 125/2017/NĐ-CP quy định:

*“b) Điều kiện áp dụng Chương trình ưu đãi thuế:*

*- Doanh nghiệp phải cam kết sản xuất, lắp ráp xe ô tô đáp ứng tiêu chuẩn khí thải mức 4 (giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2021) và mức 5 (từ năm 2022 trở đi) và đạt đủ sản lượng quy định tại điểm b.12 khoản 3.2 Mục I Chương 98 của Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này theo các tiêu chí về sản lượng và mẫu xe như sau:*

*+ Sản lượng xe ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước (gọi tắt là sản lượng chung tối thiểu) quy định cho từng giai đoạn cụ thể nêu tại lộ trình của chương trình ưu đãi thuế quy định tại điểm b.12 khoản 3.2 Mục I Chương 98 của Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đối với các nhóm xe sau:*

*Xe chở người từ 9 chỗ trở xuống, loại có dung tích xi lanh từ 2.500 cc trở xuống thuộc nhóm 87.03.*

*Xe chở người từ 10 chỗ đến 19 chỗ ngồi (xe minibus) thuộc nhóm 87.02.*

*Xe chở người từ 20 chỗ ngồi trở lên (xe buýt/xe khách) thuộc nhóm 87.02.*

*Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hoá và xe chuyên dùng có động cơ (xe tải) thuộc nhóm 87.04 và nhóm 87.05.*

*+ Sản lượng của mẫu xe ô tô cam kết sản xuất, lắp ráp trong nước (gọi tắt là sản lượng riêng tối thiểu cho mẫu xe cam kết) quy định cho từng giai đoạn cụ thể nêu tại lộ trình của Chương trình ưu đãi thuế quy định tại điểm*

b.12 khoản 3.2 Mục I Chương 98 của Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này theo số lượng mẫu xe cam kết như sau:

01 mẫu xe cam kết sản xuất, lắp ráp thuộc nhóm xe chở người từ 9 chỗ trở xuống, loại có dung tích xi lanh từ 2.500 cc trở xuống, tiêu hao nhiên liệu dưới 7,5 lít/100km.

01 mẫu xe cam kết sản xuất, lắp ráp thuộc nhóm xe minibus.

01 mẫu xe cam kết sản xuất, lắp ráp thuộc nhóm xe buýt/xe khách.

02 mẫu xe cam kết sản xuất, lắp ráp thuộc nhóm xe tải.”

Điểm b khoản 3 Điều 7a Nghị định số 125/2017/NĐ-CP quy định:

“b) Hồ sơ, thủ tục áp dụng mức thuế suất của nhóm 98.49.

- Hồ sơ gồm:

+ Công văn đề nghị được áp dụng mức thuế suất 0% của nhóm 98.49 trong đó nêu rõ giai đoạn đề nghị được áp dụng thuế suất 0%; số lượng linh kiện ô tô nhập khẩu trong giai đoạn đề nghị áp dụng thuế suất 0% đã sử dụng để sản xuất, lắp ráp ô tô; số lượng xe ô tô thuộc các nhóm xe của Chương trình ưu đãi thuế thực tế đã sản xuất, lắp ráp; số lượng mẫu xe cam kết thực tế đã sản xuất, lắp ráp và số thuế đã nộp: 01 bản chính;

+ Bảng kê tình hình sử dụng linh kiện ô tô đã nhập khẩu trong giai đoạn đề nghị áp dụng mức thuế suất 0% theo mẫu số 06 (01 bản chính) quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và chứng từ kế toán thể hiện số lượng linh kiện nhập khẩu đã được sử dụng để sản xuất, lắp ráp các nhóm xe thuộc Chương trình ưu đãi thuế (01 bản chụp có chứng thực);

...

+ Chậm nhất sau 60 ngày kể từ ngày 30 tháng 6 hoặc ngày 31 tháng 12 hàng năm doanh nghiệp có công văn gửi cơ quan hải quan đề nghị áp dụng mức thuế suất 0% của nhóm 98.49 cho các linh kiện ô tô đã nhập khẩu để sản xuất, lắp ráp các nhóm xe ô tô nêu tại lộ trình của Chương trình ưu đãi thuế trong giai đoạn theo đề nghị của doanh nghiệp. Giai đoạn đề nghị của doanh nghiệp tối đa không quá 06 tháng tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm hoặc từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

...

Số lượng linh kiện ô tô nhập khẩu đã sử dụng phù hợp với số lượng xe thực tế đã sản xuất lắp ráp trong thời hạn kiểm tra căn cứ bảng kê tình hình sử dụng, số lượng phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của doanh nghiệp và giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô sản xuất, lắp ráp.”

Như vậy, căn cứ các quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7a Nghị định số 125/2017/NĐ-CP thì tiêu chí tiêu hao nhiên liệu dưới 7,5 lít/100km chỉ áp dụng đối với 01 mẫu xe cam kết đạt sản lượng riêng tối thiểu thuộc nhóm xe chở người từ 9 chỗ trở xuống, loại có dung tích xi lanh từ 2.500 cc trở xuống thuộc nhóm 87.03. Do đó, trường hợp Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh

VINFAST đáp ứng quy định về đối tượng, điều kiện áp dụng Chương trình ưu đãi thuế tại khoản 2 Điều 7a Nghị định số 125/2017/NĐ-CP, thực hiện đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định tại khoản 3 Điều 7a Nghị định số 125/2017/NĐ-CP thì cơ quan hải quan nơi tiếp nhận hồ sơ đề nghị áp dụng mức thuế 0% của doanh nghiệp thực hiện kiểm tra và áp dụng mức thuế 0% đối với số lượng linh kiện nhập khẩu của nhóm 98.49 để sản xuất lắp ráp ô tô thuộc nhóm xe đã đăng ký tham gia Chương trình đáp ứng điều kiện áp dụng Chương trình ưu đãi thuế, thực hiện hoàn thuế cho doanh nghiệp theo quy định. Lưu ý: Số lượng linh kiện ô tô nhập khẩu đã sử dụng phải phù hợp với số lượng xe thực tế đã sản xuất lắp ráp trong từng kỳ ưu đãi.

Tổng cục Hải quan thông báo để các đơn vị biết và thực hiện./.

Nơi nhận: *MS*

- Như trên;
- Thứ trưởng Vũ Thị Mai (để báo cáo);
- Vụ Chính sách thuế (để phối hợp);
- Cục HQ TP Hà Nội; Cục HQ Hà Nam Ninh;
- Cục HQ tỉnh Quảng Nam (để thực hiện);
- Lưu: VT, TXNK-PL-Đương (3b) *SA*

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Lưu Mạnh Tường